

địa giới hành chính thuộc 28 tỉnh, thành, 125 huyện ven biển, trong đó có 12 huyện đảo. Nơi đây tập trung cao độ các hoạt động kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng và an ninh; tập trung 40% dân số cả nước, 50% các đô thị lớn và các khu kinh tế mở ... Việc thực hiện các mục tiêu của chiến lược biển VN đến năm 2020 và Chương trình hành động của Chính phủ và Chiến lược biển VN đến 2020 một cách nhất quán, nghiêm túc là việc làm thiết thực bảo vệ môi trường biển, đảo, khai thác có hiệu quả các nguồn tài nguyên biển, góp phần đảm bảo phát triển bền vững đất nước trong thời gian tới.

- Bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học giảm ô nhiễm không khí ở các khu đô thị và khu công nghiệp, tăng cường quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại, đặc biệt tại các khu đô thị, các khu vực tập trung đông dân cư, khu công nghiệp tập trung và các làng nghề ở nông thôn. Thực hiện quy hoạch các khu chôn lấp chất thải rắn, chất thải nguy hại. Ngăn chặn và đẩy lùi các hại của ô nhiễm từ bên ngoài vào VN. Từ đây cho thấy phải phát triển mạnh công nghiệp môi trường để đến năm 2020 công nghiệp môi trường trở thành ngành công nghiệp mũi nhọn, góp phần bảo vệ môi trường. Để bảo vệ môi trường phải nâng cao tỷ lệ đầu tư cho bảo vệ môi trường trong GDP. “Cần điều chỉnh ngân sách cho bảo vệ môi trường từ 0,5% GDP hiện nay lên 1%, từng bước lên 1,5% GDP. Kinh nghiệm của Trung Quốc cho thấy tỷ lệ đầu tư cho bảo vệ môi trường như vậy là hợp lý để có thể thúc đẩy phát triển bền vững”<sup>7</sup>

- Chủ động ứng phó với biến

đổi khí hậu nước biển dâng.

VN là 1 trong 5 nước chịu tác động nặng nề nhất của biến đổi khí hậu và nước biển dâng, đặc biệt là vùng ven biển và 2 đồng bằng sông Hồng và Cửu Long, nơi tập trung tiềm năng của nền nông nghiệp và nghề cá nhỏ, liên quan đến sinh kế truyền thống của 20 triệu dân. Theo Báo cáo của WB và IPCC (Ủy ban Liên chính phủ về biến đổi khí hậu), chỉ cần nước biển dâng cao 1m sẽ có khả năng “khủng hoảng sinh thái” ảnh hưởng tới 11% dân số và 12% diện tích của VN. Nếu nước biển dâng cao 5m thì 16% diện tích ven biển bị ngập nước, đe dọa cuộc sống của 35% dân số và 35% GDP của đất nước.

- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, dự báo khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu và đánh giá tác động về chủ động triển khai thực hiện có hiệu quả các giải pháp phòng chống thiên tai và “Chiến lược quốc gia về ứng phó với biến đổi khí hậu”, “Dự án biến đổi khí hậu châu Á- VN”. Tăng cường hợp tác quốc tế để phối hợp hành động và tranh thủ sự giúp đỡ của cộng đồng quốc tế. ●

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bài viết đăng trên các Website của Chính phủ, của các Bộ....

Đảng Cộng sản VN: Văn kiện Đại hội lần thứ XI, NXB CTQG, H.2011, tr.105-106.

Đảng Cộng sản VN: Văn kiện Hội nghị lần thứ ba BCHTW, NXB CTQG, H.2011, tr.40.

PGS.TS Trần Thọ Đạt: Tăng trưởng kinh tế thời kỳ đổi mới ở VN, NXB ĐHKQTĐ, H.2010, tr.224.



## Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa ở VN phù hợp với tái cấu trúc và hội nhập kinh tế quốc tế

PGS.TS. ĐÀO DUY HUÂN

*Xuất phát từ vai trò của doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) trong sự tăng trưởng kinh tế và ổn định xã hội, bài viết sử dụng nguồn số liệu từ báo điện tử, Cục Quản lý doanh nghiệp, của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Hiệp hội các DNNVV ... Trong quá trình tổng hợp, tác giả sử dụng các phương pháp phân tích – tổng hợp, đối chiếu – so sánh và đã làm rõ thêm những đóng góp, hạn chế và đề xuất giải pháp phát triển DNNVV.*

Từ khoá: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, tăng trưởng kinh tế, ổn định xã hội

7: PGS.TS Trần Thọ Đạt: Tăng trưởng kinh tế thời kỳ đổi mới ở VN, NXB ĐHKQTĐ, H.2010, tr.224.



## 1. Những đóng góp của các DNNVV

Đến ngày 31/12/2011, cả nước hiện có trên 500.000 DNNVV, chiếm tới 98% số lượng doanh nghiệp với vốn đăng ký lên gần 2.313.857 tỷ đồng (tương đương 121 tỷ USD). Đây là lực lượng to lớn trong việc tạo ra giá trị gia tăng (GDP) cho nền kinh tế, nhất là góp phần quan trọng trong việc ổn định phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn suy thoái kinh tế toàn cầu (Nguồn: [Chinhphu.vn](http://Chinhphu.vn))

Hiện tại, các doanh nghiệp vừa có số vốn từ 20 - 100 tỷ đồng (tương đương 1 - 5 triệu USD) sử dụng cao nhất 300 lao động; còn doanh nghiệp nhỏ chỉ có vốn nhiều nhất 20 tỷ đồng, sử dụng nhiều nhất 200 lao động... Thực tế cho thấy nhiều DNNVV của thành phần kinh tế tư nhân sản xuất kinh doanh hiệu quả hơn so với các DNNVV của thành phần kinh tế nhà nước.

Năm 2011, các DNNVV đóng góp hơn 40% GDP cả nước, 30% giá trị tổng sản lượng công nghiệp, gần 80% tổng mức bán lẻ, 64% tổng lượng vận chuyển hàng hóa và 100% giá trị sản lượng hàng hóa. Nếu tính cả 133.000 hợp tác xã, trang trại và các hộ kinh doanh

cá thể thì khu vực này đóng góp vào tăng trưởng tới 60% GDP.

Năm 2011, các DNNVV không chỉ đóng góp đáng kể vào sự phát triển kinh tế của đất nước mà còn giúp tạo ra hơn một triệu việc làm mới mỗi năm (trên 50% lao động xã hội); góp phần xóa đói giảm nghèo, tăng cường an sinh xã hội...

Để hỗ trợ DNNVV, Chính phủ đã ban hành Nghị định 56/2009/NĐ-CP, theo đó, loại hình doanh nghiệp này được sự hỗ trợ tài chính, thông tin, đào tạo nhân lực, sử dụng khoa học công nghệ... Tháng 5/2010, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 22/NQ-CP triển khai thực hiện Nghị định số 56/2009/NĐ-CP. Những hỗ trợ này đã tạo động lực mới cho sự phát triển của DNNVV.

## 2. Những hạn chế của DNNVV

Khó khăn lớn nhất của DNNVV là vốn. Theo nghiên cứu của VCCI, có đến 75% doanh nghiệp muốn tìm vốn bằng hình thức vay ngân hàng, nhưng thực chất không phải đơn vị nào cũng tiếp cận được. Đây là một trong những rào cản chính cho khu vực DNNVV, vì không đáp ứng được những yêu cầu của ngân hàng khi vay vốn. Mặt khác, mức lãi suất trần huy động vốn của Ngân hàng Nhà nước là 14% mỗi năm nhưng một số trường hợp đã phá rào nâng lên 15%-19% mỗi năm, kéo theo lãi suất cho vay lên 20-22%. Thậm chí một số ngân hàng còn đặt ra nhiều loại phí, khiến lãi suất có thể lên tới 25%. Đây là rào cản lớn đối với DNNVV vay vốn phát triển sản xuất kinh doanh.

Về trình độ công nghệ, do phần lớn là các cơ sở thủ công "đi lên" hoặc có tiếp cận được khoa học, công nghệ nước ngoài thì cũng thuộc thể hệ lạc hậu. Do đó, năng suất lao động thấp, chất lượng sản

phẩm không cao, khả năng cạnh tranh trên thị trường yếu.

Sự liên kết, liên doanh của các DNNVV là rất hạn chế. Điều này thể hiện trước hết trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, thứ đến trong hợp tác để tạo dựng một tiếng nói chung trên thị trường, hợp tác trong việc mang lại lợi ích kinh tế, môi trường chung cho cộng đồng. Ngoài ra, khả năng quản lý, nhận biết về kinh doanh, văn hóa kinh doanh, trình độ xúc tiến và quảng bá thương mại cũng như lao động hoạt động trong khu vực này... cũng rất hạn chế.

Chỉ số ứng dụng CNTT-TT của DNNVV, do VCCI công bố năm 2010, thì chỉ có 46% doanh nghiệp sử dụng e-mail trong công việc, hơn 50% cho rằng không có nhu cầu dùng phần mềm quản lý nhân sự, tiền lương cũng như phần mềm quản lý bán hàng... Ngoài ra, khoảng 20% có website riêng (chủ yếu để giới thiệu hình ảnh, sản phẩm, dịch vụ qua mạng), phần lớn vẫn dè dặt với thương mại điện tử vì cho rằng chưa phải là thời điểm để mua bán qua mạng... Đồng tình với công bố trên của VCCI, bà Christine Zhenwei Qiang - Trưởng bộ phận Kinh tế công nghệ thông tin của Ngân hàng Thế giới khẳng định: Hầu hết các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại các nước đang phát triển như VN vẫn còn ứng dụng chậm chạp, chủ yếu vẫn dùng điện thoại, fax và ứng dụng phần mềm quản lý đơn giản. Nhiều chủ doanh nghiệp không quen với việc điều hành máy tính, cho rằng công nghệ thông tin chỉ dành cho các doanh nghiệp lớn, còn doanh nghiệp của họ thì có thể điều hành, giao dịch thủ công.

Khảo sát tại TP.HCM cho thấy trong 100% doanh nghiệp thành lập ra thì chỉ 2/3 doanh nghiệp làm ăn

lành mạnh, còn 1/3 doanh nghiệp hoạt động cầm chừng, chạy theo lợi nhuận, không ổn định, không có kế hoạch. Do đó, việc đăng ký thành lập doanh nghiệp mới bên cạnh mặt tích cực, lại thể hiện mặt hạn chế như có tên công ty nhưng không hoạt động, thậm chí dùng nó để mua bán hóa đơn tài chính.

Năm 2011, theo số liệu của Bộ Kế hoạch – Đầu tư đã có hơn 48.700 doanh nghiệp giải thể và ngừng đăng ký thuế (cao hơn 20% so với cùng kỳ) do không thể vượt qua thời kỳ lạm phát. Điều đáng nói là phần lớn đối tượng doanh nghiệp phá sản rơi vào quy mô nhỏ và vừa. Riêng tại TP.HCM, đã có 1.663 doanh nghiệp phải giải thể, nhưng không có cơ quan nào biết rõ tình trạng hoạt động thực sự của doanh nghiệp. So với số thành lập mới thì có tới 70-80% là doanh nghiệp giải thể. Vấn đề nằm ở chỗ, đó là các công ty rơi vào trường hợp không chỉ hoạt động kém hiệu quả mà còn gian lận thuế, mua bán hóa đơn. Chính những doanh nghiệp này rất khó giải thể vì có ràng buộc thuế, chưa quyết toán được. Bên cạnh đó, nhân sự Cục Thuế cũng không thể đáp ứng đủ cho việc làm thủ tục quyết toán thuế cho doanh nghiệp giải thể.

Hàng năm về số lượng DNNVV tăng 22% doanh nghiệp, và có nhiều kế hoạch phát triển hỗ trợ nhưng thực tế, cũng không phát triển được. Nhiều DNNVV được vay vốn, song không trả được. Sau đó, Nhà nước lại cho xóa nợ. Các ngân hàng muốn hỗ trợ cũng vẫn phải làm theo Luật. Điều này cho thấy khi đánh giá về loại hình doanh nghiệp này, chúng ta chỉ mới đánh giá sự phát triển về mặt số lượng mà chưa nhìn rõ vấn đề chất lượng. Ví dụ như, hiện khoảng 23-30% doanh nghiệp hoạt động ở lĩnh vực

sản xuất có máy móc thiết bị, tỷ lệ lớn còn lại là doanh nghiệp ở lĩnh vực dịch vụ, hoạt động không ổn định, sinh ra rồi lại mất đi khá lớn.

Hạn chế nữa của DNNVV là thuê mặt bằng sản xuất kinh doanh, tuyển dụng và giữ chân người tài, người lao động, khó khăn về năng lực quản trị, về quản trị tài chính, trong phát triển thị trường.

Cuối cùng, mức đóng phí bảo hiểm xã hội hiện nay đã quá cao, với tỷ lệ tới 28% lương. Hiện, nhiều DNNVV phải chi 75% doanh thu dành cho chi lương, cộng thêm 28% lương cho đóng bảo hiểm. Hệ quả, lợi nhuận doanh nghiệp còn lại rất thấp để tái đầu tư sản xuất.

### 3. Giải pháp để phát triển DNNVV

**Một**, tiếp tục thực hiện cải cách thủ tục hành chính tạo môi trường thông thoáng thuận lợi cho doanh nghiệp nhỏ và vừa phát triển bao gồm:

- Hoàn thiện hệ thống cơ quan đăng ký kinh doanh toàn quốc từ trung ương (Bộ) đến huyện (Phòng), thống nhất về nghiệp vụ, kinh phí hoạt động, tổ chức biên chế, nhân sự và phương tiện, tăng cường tin học hoá qua nối mạng.

- Hoàn thiện việc áp dụng thông nhất một mã số doanh nghiệp với các tiêu chí cơ bản để thuận lợi cho việc áp dụng tin học hoá và công khai hoá địa vị pháp lý trên mạng internet để mọi người có thể tìm hiểu, liên kết với các doanh nghiệp đang hoạt động, tránh trùng tên, mặt khác hỗ trợ các cơ quan thống kê, thuế, đăng ký kinh doanh nắm bắt và cập nhật hoạt động của doanh nghiệp.

- rà soát lại tất cả các văn bản liên quan đến thành lập doanh nghiệp, quản lý doanh nghiệp để loại bỏ hoặc đơn giản thủ tục theo

hướng tăng cường hậu kiểm.

- Sửa đổi Luật phá sản theo hướng hiệp thương các chủ nợ, mua bán nợ để chia sẻ với doanh nghiệp thất bại, khép lại những tồn đọng, xây dựng phong cách kinh doanh hiện đại.

**Hai**, tháo gỡ khó khăn về mặt bằng sản xuất kinh doanh cho DNNVV:

- Hoàn thiện pháp lý và nâng cao năng lực quản lý của hệ thống cơ quan đăng ký đất đai trong cả nước nhằm đẩy nhanh tiến độ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và khuyến khích đăng ký các giao dịch về đất.

- Hàng năm, từ 1 đến 15 tháng 1, lập tái quy hoạch, kế hoạch, công khai chi tiết sử dụng đất để làm cơ sở cho việc giao đất, cho thuê đất, đấu thầu quyền sử dụng đất.

- Xây dựng các cụm khu công nghiệp, thương mại có hạ tầng tốt nhất, đồng thời điều chỉnh các hình thức cho thuê đất. Hỗ trợ các DNNVV có cơ sở sản xuất kinh doanh gây ô nhiễm di dời ra khỏi đô thị, khu dân cư thông qua việc cho phép chuyển quyền sử dụng đất từ đất sản xuất sang đất ở và đất thương mại nhằm mục đích bán và trang trải chi phí di chuyển.

- Thống kê và thu hồi đất đang hoang hoá, sử dụng không đúng mục đích để tạo quỹ đất cho các doanh nghiệp thuê.

- Có những quy định về bồi hoàn và trả lại quyền sử dụng để quá trình chuyển giao đất công khai thuận lợi hơn.

**Ba**, tăng cường khả năng tiếp cận nguồn vốn tín dụng và huy động các nguồn lực hỗ trợ tài chính cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Nguồn vốn của Nhà nước hỗ trợ cho doanh nghiệp là cần thiết, song không vi phạm cam kết của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO),

tức là không hỗ trợ trực tiếp mà hỗ trợ gián tiếp. Cần công khai hình thức hỗ trợ gián tiếp. Với những nguồn lực có trong tay, thông qua các công ty đầu tư tài chính của Nhà nước để mua cổ phần của DNNVV, hoặc mua trái phiếu của DNNVV được phát hành trái phiếu theo dự án. Cần mở rộng Quỹ Hỗ trợ phát triển DNNVV, để tăng vốn cấp của ngân sách tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Nguồn vốn của các ngân hàng thương mại là nguồn vốn quan trọng của DNNVV, Ngân hàng Nhà nước cần chỉ đạo các ngân hàng thương mại xây dựng kế hoạch định hướng cho vay các DNNVV. Ngân hàng thương mại cần tăng cường tiếp thị với tư cách ngân hàng bán lẻ để đáp ứng nhu cầu của DNNVV, có các biện pháp thẩm định món vay, giám sát và đôn đốc thu nợ thay cho việc đòi hỏi các thế chấp cầm cố vượt quá khả năng của DNNVV.

**Bốn,** hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Thứ nhất, cần có nghiên cứu đầy đủ về lực lượng lao động trong độ tuổi hiện nay bao gồm số lao động đang làm việc, lao động chưa có việc làm, lao động đang được đào tạo đồng thời dự báo số lao động tăng, giảm chuyển dịch hàng năm với cơ cấu theo địa phương, ngành cùng các tiêu chí về chất lượng nguồn nhân lực như văn hoá, học vấn, tâm lý ưa thích việc làm. Từ những số liệu đó kết hợp với các xu hướng phát triển ngành nghề của thế giới kể cả nhu cầu nhập khẩu lao động của một số quốc gia thành viên WTO để dự báo phát triển nguồn nhân lực theo ngành.

Hoàn thiện chương trình và phương thức đào tạo tại các trường đại học, cao đẳng và dạy nghề,

theo hướng gắn với yêu cầu của hoạt động sản xuất, kinh doanh và dịch vụ, cung cấp cho người học các kiến thức chuyên môn, kỹ năng hành nghề và ý thức trách nhiệm; khuyến khích liên kết giữa các trường đại học, cao đẳng, dạy nghề với các doanh nghiệp để nâng cao khả năng thực hành, cơ hội việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp.

Thứ hai, xây dựng vườn ươm DNNVV ở các cơ sở đào tạo.

Cần xây dựng và phát triển các vườn ươm DNNVV để học sinh, sinh viên có thể thành lập doanh nghiệp ngay tại vườn ươm đó để đi vào thị trường. Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ mô hình này theo hướng xã hội hoá, có sự kết hợp giữa sức lực, vốn của học sinh, sinh viên với vốn của các doanh nghiệp muốn phát triển thành viên, chi nhánh, vốn tín dụng và vốn tài trợ quốc tế.

Để chuyển hoạt động khởi sự DNNVV từ các diễn đàn ra cuộc sống để học sinh, sinh viên hoạt động thực sự, sau đó đi vào thị trường. Xây dựng các trung tâm hỗ trợ DNNVV ở một số vùng với cơ sở vật chất cần thiết để DNNVV ở vườn ươm hoạt động và chuyển giao tài sản khi DNNVV có địa điểm mới trên thị trường,...

Thứ ba, xã hội hoá dạy nghề, rà soát, bổ sung quy hoạch mạng lưới cơ sở dạy nghề và phân cấp việc cấp giấy phép thành lập các trung tâm đào tạo nghề. Khuyến khích các DNNVV thành lập cơ sở dạy nghề theo hướng liên kết để lao động được học những nghề cơ bản, có khả năng tự học và chuyển đổi nghề.

Thứ tư, lồng ghép nhiệm vụ của các chương trình kinh tế xã hội với việc đào tạo nghề, ví dụ như chương trình khuyến nông, khuyến

ngư, khuyến công, chương trình xóa đói giảm nghèo, chương trình hỗ trợ xã khó khăn. Mỗi chương trình dự án cụ thể ở địa phương đặt ra nhiệm vụ đào tạo, chuyển giao công nghệ với việc thành lập mới DNNVV hoặc bổ sung nguồn nhân lực cho DNNVV. Tranh thủ tối đa hợp tác, kêu gọi tài trợ quốc tế cho đào tạo.

**Năm,** nâng cao nhận thức của xã hội đối với khu vực DNNVV.

- Tuyên truyền vị trí, vai trò và gương doanh nhân có thành tích để nâng cao nhận thức của chính quyền các cấp, cộng đồng dân cư. Thay đổi cách nhìn đối với DNNVV, gắn kết các DNNVV với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong đó nhấn mạnh đến giải quyết việc làm, phát huy tiềm năng thế mạnh của địa phương, xây dựng tinh thần kinh doanh của cộng đồng.

- Soạn thảo chuyên đề DNNVV đưa vào chương trình đào tạo tại các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và trường dạy nghề. Tổ chức các buổi sinh hoạt trong cộng đồng về DNNVV, tăng cường giao lưu giữa doanh nhân và sinh viên, học sinh và công dân qua hình thức đối thoại, hội thảo,...

**Sáu,** xây dựng hệ thống cung cấp thông tin cho DNNVV.

Bên cạnh các diễn đàn cần thiết lập hệ thống thông tin trong nước với hình thức cung cấp thông tin và trả lời câu hỏi của DNNVV, nâng chất lượng các báo về doanh nghiệp, các trang điện tử, bản tin của các trung tâm hỗ trợ DNNVV ở cấp tỉnh. Mở thêm các đường dây nóng, sử dụng các chuyên gia, cộng tác viên làm ngoài giờ để tư vấn và cung cấp thông tin cho DNNVV.

Hỗ trợ DNNVV xây dựng thương hiệu, cung cấp các thương hiệu hiện có để DNNVV không

đưa ra thương hiệu trùng lặp, chú ý xây dựng sớm thương hiệu những sản phẩm có sức cạnh tranh.

**Bảy**, khuyến khích DNNVV ứng dụng CNTT.

Thông qua các hội thảo, hội nghị đào tạo, nhấn mạnh đến những lợi ích mà doanh nghiệp có thể đạt được khi ứng dụng CNTT, để các nhà quản lý doanh nghiệp có thể xác định được chiến lược tổng thể cho công ty. Ngoài ra, các doanh nghiệp cung cấp ứng dụng, giải pháp CNTT cũng cần chú ý đến đối tượng này, tung ra các chương trình ưu đãi để kích thích ứng dụng.

“Các doanh nghiệp cần phải xem xét hệ thống CNTT là một phần của hạ tầng, cần lựa chọn mô hình ứng dụng phù hợp để trang bị máy tính, phần mềm văn phòng, kết nối Internet, lập website quảng bá thương hiệu..., để dần tiến tới ứng dụng cao hơn như phần mềm quản trị dịch vụ khách hàng, sử dụng chứng thư điện tử, lập website bán lẻ trực tuyến... Ngoài ra, để đảm bảo hoạt động hạn chế bị gián đoạn cũng cần quan tâm tới ứng dụng các biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin”.

**Tám**, phát huy nội lực, nâng cao khả năng cạnh tranh của DNNVV

Thứ nhất, chủ động xây dựng kế hoạch, chiến lược sản xuất kinh doanh, nghiên cứu áp dụng công nghệ, đổi mới trang thiết bị, tăng năng suất lao động và nâng cao tính cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường. Chấp hành đúng pháp luật, đề cao văn hoá trong kinh doanh. Có kế hoạch đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực quản lý doanh nghiệp, nâng cao nhận thức về xu thế hội nhập và cạnh tranh quốc tế; chủ động liên kết, hợp tác với các doanh nghiệp trong và ngoài nước để mở rộng sản xuất,

kinh doanh, năng lực cạnh tranh.

Thứ hai, phát huy nội lực của DNNVV. Bởi vì các hỗ trợ của Nhà nước chỉ là những hành lang pháp lý, nguồn vốn gián tiếp,... mang tính hướng dẫn nhiều hơn là “bà đỡ”. DNNVV cần tranh thủ và tự lực tối đa hơn là trông đợi. Thực tế chứng minh DNNVV phát triển ổn định bền vững và lớn mạnh là do tự phát huy nội lực và tranh thủ các cơ hội kinh doanh, liên kết với cộng đồng doanh nghiệp, bám sát và phát triển thị trường.

Thứ ba, cần chấp hành pháp luật và các cam kết trong quá trình SXKD

Trong quá trình SXKD, DNNVV cần tránh vi phạm pháp luật, vi phạm các cam kết để hình ảnh, thương hiệu, nâng cao khả năng cạnh tranh và hội nhập kinh tế quốc tế.

Những thiệt hại do vi phạm pháp luật, thất tín với khách hàng lớn và người tiêu dùng không những tổn thất về kinh tế (do xử phạt) mà đây là cái cơ để các doanh nghiệp cạnh tranh loại ra khỏi thị trường.

Thứ tư, Mỗi DNNVV có thể xây dựng nét văn hoá kinh doanh của riêng mình với những nội dung sau:

- Xây dựng nội quy nơi làm việc, cụ thể ở mỗi bộ phận, mỗi vị trí công tác phải có bảng mô tả chức năng nhiệm vụ và mối quan hệ công việc.

- Xây dựng quy trình sản xuất theo các chứng chỉ về chất lượng để bảo đảm sản phẩm, dịch vụ đưa ra thị trường có chất lượng ổn định.

- Sử dụng triết lý hình thức khẩu hiệu ghi tạc vào mỗi người lao động tinh thần doanh nghiệp.

- Thể nghiệm phong cách kinh doanh theo tinh thần mới, sáng tạo không bắt chước nhưng phù hợp

với văn hoá VN.

- Để hình thành văn hoá doanh nghiệp, ngay từ đầu người chủ DNNVV cần ý thức được giá trị bền vững của văn hoá, không tự ti, không áp đặt mà gương mẫu. Các tổ chức đoàn thể trong DNNVV cần nêu cao tinh thần văn hoá, tham gia giáo dục, vận động người lao động hướng vào giá trị nhân văn từ nội bộ doanh nghiệp đến thị trường mà doanh nghiệp tham gia.

Tóm lại: Thực tế cho thấy ở VN DNNVV luôn có vai trò to lớn đối với tăng trưởng nền kinh tế và ổn định xã hội. Để phát triển bền vững, Nhà nước cần tiếp tục hoàn thiện và ban hành các chính sách hỗ trợ DNNVV bao gồm: các hỗ trợ nhằm tạo ra một môi trường kinh doanh thuận lợi, những hỗ trợ bồi dưỡng năng lực doanh nghiệp (đào tạo nguồn lực quản lý, hỗ trợ về công nghệ, v.v...), và những hỗ trợ về tín dụng (thành lập ngân hàng chuyên cho DNNVV vay, bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp, thành lập các công ty đầu tư mạo hiểm, v.v...), và những hỗ trợ khác (như mặt bằng kinh doanh)... Những năm tới, các DNNVV cần tập trung lựa chọn mục tiêu kinh doanh phù hợp với khả năng, ổn định thị trường, củng cố thị phần đã có, tìm cách phát triển thị trường mới, tạo sự khác biệt trong kinh doanh, phải tự vận động và liên kết để hợp tác kinh doanh. ●

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

Cục Phát triển doanh nghiệp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Phạm Huyền, Diễn đàn Kinh tế VN

Hiệp hội DNNVV VN

Bài viết đăng trên các Website của Chính phủ, của các Bộ....